

KỶ NIỆM 1000 NĂM THĂNG LONG - ĐÔNG ĐÔ - HÀ NỘI

# HÀNH TRÌNH 1000 NĂM KINH ĐÔ NƯỚC VIỆT



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

**"HÀNH TRÌNH 1.000 NĂM  
KINH ĐÔ NƯỚC VIỆT"**

KỶ NIỆM 1000 NĂM THĂNG LONG - ĐÔNG ĐÔ - HÀ NỘI

---

# "HÀNH TRÌNH 1.000 NĂM KINH ĐÔ NƯỚC VIỆT"

*Sưu tầm, biên soạn:*  
NGUYỄN ĐĂNG VINH

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG  
HÀ NỘI - 2005

## LỜI NÓI ĐẦU

Kể từ khi Thục Phán sáng lập nước Âu Lạc, kế tục nước Văn Lang của các Vua Hùng đóng đô ở Phong Châu, dời về Phong Khê, xây thành Cổ Loa thì kinh đô nước ta đã được trên 2.000 năm. Còn nếu kể từ khi Lý Công Uẩn rời đô từ Hoa Lư về Đại La, đổi tên là Thăng Long thì kinh đô Việt Nam cũng sắp tròn 1.000 tuổi.

Trải qua các biến cố thăng trầm của lịch sử gần 1.000 năm qua, kinh đô Việt Nam đã để lại cho thế hệ chúng ta hôm nay biết bao nhiêu giá trị truyền thống tốt đẹp, trong đó nổi bật nhất là những giá trị văn hoá truyền thống.

Cuốn "***Hành trình 1.000 năm kinh đô nước Việt***" sẽ giới thiệu với bạn đọc những di tích có giá trị kiến trúc, lịch sử văn hoá đặc sắc của kinh thành mang dấu ấn của các triều đại phong kiến, bắt đầu từ Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, thành nhà Mạc (Quảng Ninh) đến cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), thành nhà Hồ (Tây Đô) và Lam Kinh (Thanh Hoá), Phượng Hoàng Trung Đô (Nghệ An) và cố đô Huế; cũng như một số di tích cách mạng tiêu biểu gắn liền với những sự kiện anh hùng của dân tộc nói chung, của Thủ đô Hà Nội nói riêng kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay.

Mong rằng cuốn **"Hành trình 1.000 năm kinh đô nước Việt"** sẽ giúp đông đảo bạn đọc gần xa hiểu rõ hơn để qua đó càng thêm yêu quý những giá trị văn hoá tinh thần của kinh đô nước Việt còn đọng lại sẽ vĩnh viễn trường tồn với thời gian.

Trong quá trình sưu tầm, biên soạn, chúng tôi có sử dụng nhiều bài viết của các bậc lão thành, các chuyên gia nghiên cứu đăng trên các sách, báo, tạp chí. Các tài liệu sưu tầm đều được ghi xuất xứ rõ ràng, rất nhiều bài viết phải thu gọn lại hoặc mở rộng thêm cho phù hợp với yêu cầu của cuốn sách. Chúng tôi xin cáo lỗi và mong các vị lượng thứ.

*Sưu tầm, tuyển chọn và biên soạn*  
NGUYỄN ĐĂNG VINH

## *Phần thứ nhất*

### **A. TÓM TẮT LỊCH SỬ THĂNG LONG - ĐÔNG ĐÔ - HÀ NỘI TRƯỚC NGÀY TỊNH ĐÔ**

#### **I. MIỀN ĐẤT THĂNG LONG - ĐÔNG ĐÔ-HÀ NỘI TRƯỚC NGÀY TỊNH ĐÔ**

Các nhà khảo cổ đã tìm thấy ở xã Cổ Loa những viên đá cuội có dấu vết bàn tay con người ghe đèo cùng loại với những hòn cuội tìm thấy từ Lào Cai đến Nghệ Tĩnh. Đó là những công cụ chặt, nạo của người nguyên thủy sống cuối thời đá cũ cách ngày nay từ hai vạn năm. Đó là giai đoạn Sơn Vi.

Nhưng rồi đến thời băng tan, biển tiến. Đợt biển tiến cuối cùng xảy ra cách nay 17 nghìn năm. Đất Hà Nội nếu không nằm trong biển thì cũng là mấp mé biển. Các động vật lùi vào lục địa. Con người cũng lùi lên miền chân núi. Như thế, vùng Hà Nội không có người ở gần như trong suốt thời đại đá mới, từ khoảng một vạn năm đến khoảng sáu bảy nghìn năm cách ngày nay. Vào thời điểm này bắt đầu biển lùi. Hà Nội từ vùng biển thành vùng đầm lầy, rừng rậm. Các nhóm cư dân từ miền núi đổ về đây. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều di tích nối tiếp nhau, hình thành một chuỗi lịch sử liên tục từ

đầu thời đại đồ đồng đến đầu thời đại đồ sắt trên chặng đường 20 thế kỷ trước công nguyên. Theo thuật ngữ khảo cổ, Hà Nội có mặt ở cả bốn thời đại văn hoá: Phùng Nguyên (4000 - 3000 năm cách ngày nay), Đông Đậu (3500 -3000 năm cách ngày nay), Gò Mun (đầu thế kỷ I trước công nguyên) và Đông Sơn (giữa thế kỷ I đến đầu công nguyên).

Người Hà Nội ngày ấy trồng trọt, chăn nuôi và chài lưới, chủ yếu là trồng lúa, rồi đậu và khoai lang, trồng cây ăn quả như: na, trám... chăn nuôi trâu, lợn, gà, dê, chó, đánh cá và săn bắn. Trong các di chỉ đã tìm thấy, có lưỡi cày, mai, liềm đều bằng đồng, có hạt na, hạt trám, có hạt gạo cháy và vỏ trâu, có rìu đá, rìu đồng, dao và mũi tên đồng, có ca hòn chỉ lưới bằng đá và đất nung. Thời tiền sử đồ ứng với thời đại các vua Hùng theo truyền thuyết. Vua Hùng là truyền thuyết nhưng Thục Phán chống Tần là hiện thực lịch sử. Khoảng năm 218 trước công nguyên, Tần Thủy Hoàng phái 50 vạn quân tiến đánh miền Bách Việt. Người Việt đứng đầu là Thục Phán dựa vào núi rừng tổ chức kháng chiến. Sau 10 năm bị thiệt hại nặng quân Tần phải rút. Thục Phán thay Vua Hùng dựng nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, cách trung tâm Hà Nội 15km về phía bắc) xây toà thành ốc. Toà thành đó bắt đầu đi vào lịch sử với tư cách một trung tâm chính trị - xã hội.

Lên ngôi từ năm 275 trước công nguyên, đến năm 208 trước công nguyên Thục Phán bị Triệu Đà, tướng nhà Hán, lừa lấy mất lấy nó (một bí mật của

kỹ thuật chế tạo cung nỏ) và bị diệt vong. Từ đây Âu Lạc sa vào ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Hoa (thời kỳ Bắc thuộc đã kéo dài tới ngàn năm), nước Âu Lạc thời Hán thuộc bị chia thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Hà Nội thuộc quận Giao Chỉ, nhưng suốt năm thế kỷ đầu không thấy sử sách ghi tới. Mãi tới giữa thế kỷ V, (454 - 456), Hà Nội được ghi là trung tâm huyện Tống Bình. Ít lâu sau huyện được nâng cấp thành quận. Quận Tống Bình gồm ba huyện: Nghĩa Hoài, Tuy Ninh ở nam Sông Hồng (Từ Liêm, Hoài Đức ngày nay), còn Xương Quốc ở bờ bắc (Đông Anh, Gia Lâm ngày nay). Quận trị là vùng nội thành hiện nay.

Năm 544, Lý Bí khởi nghĩa, dựng thành ở cửa sông Tô đánh đuổi quân đô hộ nhà Lương, xưng đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân. Ông dựng chùa mở nước "Khai quốc" bên bờ sông Hồng (sau chuyển vào hồ Tây thành chùa Trấn Quốc). Châu ông là Lý Phật Tử chuyển sang đóng đô ở Cổ Loa, tồn tại đến năm 602 mới bị nhà Tùy đánh bại.

Nhà Đường (618 - 907) thay nhà Tùy đặt "đô hộ phủ". Đất Việt được gọi là "An Nam" với 12 châu, 50 huyện (năm 617). Trung tâm An Nam đô hộ phủ là Tống Bình. Vào khoảng giữa đời Đường, Tống Bình có tên mới là Đại La, do Cao Biền đã đắp thành Đại La vào năm 866 tại đây.

Nhưng cõi Nam không an với bọn xâm lược. Khởi nghĩa Phùng Hưng (766-779) đã giải phóng Tống Bình. Khởi nghĩa Dương Thanh (819 - 820) cũng



vậy. Ba cha con ông cháu Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Khúc Thừa Mỹ từ 905 đến 930 nổi lên đuổi bọn quan lại phương Bắc nắm giữ chính quyền An Nam dò hộ phủ.

Tối năm 938 Nam Hán sang xâm lăng, Ngô Quyền đã tiêu diệt chúng, xưng vương, định đô tại Cổ Loa. Sau một ngàn năm Cổ Loa lại trở thành kinh đô của nước Việt.

## II- THĂNG LONG

### Thăng Long thời Lý (1009 - 1225)

Cuối năm 1009, tại Hoa Lư (Ninh Bình) Lý Công Uẩn được lập làm vua, sáng lập vương triều Lý, năm sau ông rời đô ra thành Đại La, đổi gọi là Thăng Long. Trên cơ sở thành Đại La, Lý Công Uẩn xây dựng một kinh thành mới, về đại thể được giới hạn bằng ba con sông, phía đông là sông Hồng, phía bắc và phía tây là sông Tô, phía nam là sông Kim Ngưu. Khu Hoàng Thành ở gần hồ Tây là nơi có các cung điện hoàng gia và nơi thiết triều, tất cả được bao bọc bằng một toà thành xây gạch. Phần còn lại là khu dân sự, chia ra làm các phường, trong đó có những phường nông nghiệp, phường thủ công nghiệp và phường thương nghiệp, tách biệt hoặc đan xen. Cả hai khu (Hoàng Thành và dân sự) được gọi là Kinh thành, được bao bọc bằng một toà thành phát triển từ đê của ba sông nói trên. Như vậy đê cũng là tường thành, và do đó sông là hào nước che chở.

Trong khu dân sự có những kiến trúc tôn giáo: năm 1028 xây đền Đông Cổ trên bờ sông Tô, năm

1049 xây chùa Một Cột ở phía tây Hoàng Thành, năm 1057 xây tháp chùa Báo Thiên, năm 1070 xây Văn Miếu và nhà học cho thái tử sau phát triển thành Quốc Tử Giám, trung tâm giáo dục đào tạo. Từ điện Giảng Võ trong Hoàng Thành, năm 1170, phát triển thành Xạ đình (sân bắn) đặt ở phía nam kinh thành...

Như vậy, chỉ trong khoảng trên một trăm năm, sau khi trở thành kinh đô, Thăng Long đã được xây dựng để trở thành trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá lớn nhất và tiêu biểu cho cả nước. Thành lũy, đê điều, các loại kiến trúc cung điện, dân gian, văn hoá, tôn giáo... tất cả hoà quyện với thiên nhiên tạo nên dáng vẻ riêng của kinh thành.

Tại Thăng Long, nhà Lý trong giai đoạn thịnh đạt của Vương triều đã đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trên quy mô lớn, mở ra kỷ nguyên *văn minh Đại Việt* trong lịch sử Việt Nam. Nhân dân Thăng Long đã góp phần cùng nhân dân cả nước tạo nên nền văn minh đó và lập chiến công bảo vệ tổ quốc mà hai nhân vật tiêu biểu nhất là Lý Thường Kiệt và Ý Lan.

Lý Thường Kiệt (1019 - 1105) người phường Thái Hoà bên bờ sông nam hồ Tây đã tổ chức và lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến chống Tống xâm lược (1075 - 1077). Ý Lan (? - 1117) họ Lê, tên là Yên Loan, cô gái làng Siêu Loại nay thuộc xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, là một hoàng hậu giỏi việc cai trị, từng ban bố những chính sách phát triển nông nghiệp và chăm lo đời sống dân nghèo.